

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/QĐ-THCS.QT

Gò Vấp, ngày 08 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách quý IV năm 2023 của Trường Trung học cơ sở Quang Trung

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào kết quả thu chi ngân sách quý IV năm 2023 của Trường Trung học cơ sở Quang Trung;

Xét đề nghị của Kế toán Trường Trung học cơ sở Quang Trung;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách quý IV năm 2023 Trường Trung học cơ sở Quang Trung (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ Trường Trung học cơ sở Quang Trung thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Mai Hương

Gò Vấp, ngày 08 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Gò Vấp
V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai quyết toán thu chi ngân sách
quý IV năm 2023 của Trường THCS Quang Trung

Trường Trung học cơ sở Quang Trung báo cáo tình hình thực hiện công khai quyết toán ngân sách Quý IV năm 2023 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: Không có
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách:

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc						
1	Trường THCS Quang Trung	x		x		x	
II	Đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc, trực thuộc						
1	Đơn vị A						
2	Đơn vị....						

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định: /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vũ Mai Hương

Gò Vấp, ngày 08 tháng 01 Năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Quang Trung công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí	1.092.960.000		33%	2.024hs*60.000*9 tháng
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.138.570.000			
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	21.138.570.000	3.680.724.988	17%	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.273.165.000	3.680.724.988	70%	
a)	Chi thường xuyên (nguồn 12)		2.641.651.727		Chi lương và các hoạt động
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)	121.440.000		0%	
c)	Kinh phí NQ 03	5.151.725.000	1.039.073.261	20%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.865.405.000	-	0%	
a)	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (trợ cấp Tết của ủy ban ; Phụ cấp Gv dạy học sinh hòa nhập)	461.200.000		0%	trợ cấp tết ub
b)	Chi không thường xuyên (nguồn 12)	10.914.180.000	-	0%	Chi lương và các hoạt động
b.1)	CSGD Hỗ trợ Học phí	31.860.000		0%	
b.2)	CSGD Hỗ trợ chi phí học tập	79.650.000		0%	
b.3)	CSGD Tiền học buổi 2	6.675.000		0%	
b.4)	Cấp bù học phí THCS 240.000d/hs/T	4.371.840.000		0%	
b.5)	Mua sắm bàn ghế	171.000.000		0%	
b.6)	Hỗ trợ miễn giảm học phí, Buổi 2	68.940.000		0%	

GHI CHÚ: NGÂN SÁCH CẤP 2023 TIỀN HOẠT ĐỘNG THEO SỐ HỌC SINH 2.024HS*600.000Đ/ HS/NĂM

Hiệu trưởng



Vũ Mai Hương

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2023**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2023

	Nguồn 13 (chi thường xuyên lương và các hoạt động)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên, nguồn CCTL)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên lương và các hoạt động)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên PC ưu đãi GV Khuyết tật, trợ cấp tết UB)	Tổng cộng
Tồn năm 2022 chuyển sang	49.627.026		593.604.741			643.231.767
Dự toán giao trong năm 2023			4.573.165.000	15.616.623.000	1.085.216.000	21.275.004.000
Dự toán đã sử dụng	30.685.773	-	4.811.305.301	14.565.343.857	319.355.511	19.726.690.442
+ Quý 1				2.271.815.060		2.271.815.060
+ Quý 2	30.685.773		1.977.843.178	2.425.525.604	169.200.000	4.603.254.555
+ Quý 3			1.794.388.862	7.226.351.466	150.155.511	9.170.895.839
+ Quý 4			1.039.073.261	2.641.651.727	-	3.680.724.988
Tồn cuối kỳ	18.941.253	-	355.464.440	1.051.279.143	765.860.489	2.191.545.325

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 12): **2.641.651.727**

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương	1.309.336.010	5.062.188.580
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	1.309.336.010	5.062.188.580
6002	Lương tập sự, công chức dự bị	-	-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	-	-
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	58.464.938	255.219.753
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	58.464.938	255.219.753
6100	Phụ cấp lương	654.459.591	3.057.992.782
6101	Phụ cấp chức vụ	20.562.000	82.248.000
6105	Phụ cấp thêm giờ	-	262.725.570
6107	Phụ cấp độc hại	-	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	385.276.003	1.495.472.647
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	2.533.000	10.579.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	246.358.588	988.142.054
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung	-	-
6149	Khác	-	150.155.511
6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	(270.000)	37.950.000
6199	Các khoản hỗ trợ khác	-	30.720.000
6200	Tiền thưởng	-	37.509.900
6249	Thưởng khác	-	34.200.000
6299	Chi khác	-	3.309.900
6300	Các khoản đóng góp	383.999.735	1.500.972.689
6301	Bảo hiểm xã hội	285.957.254	1.117.745.631
6302	Bảo hiểm y tế	49.021.245	191.613.551
6303	Kinh phí công đoàn	32.680.815	127.742.314
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	16.340.421	63.871.193
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	23.065.200
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	-	192.265.200
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	5.000.000	20.000.000
6501	Chi thanh toán tiền điện	5.000.000	5.000.000



6502	Chi thanh toán tiền nước	-	-
6552	Mua sắm CCDC văn phòng	-	15.000.000
6550	Vật tư văn phòng	-	-
6551	văn phòng phẩm	-	-
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	-	-
6599	Vật tư văn phòng khác	-	-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.720.224	8.965.808
6601	Cước phí điện thoại trong nước	986.224	3.231.808
6605	Cước phí Internet, phương tiện điện tử	-	-
6608	sách, báo, tạp chí, in ấn	5.734.000	5.734.000
6700	Công tác phí	5.500.000	23.500.000
6704	Khoản công tác phí	5.500.000	23.500.000
6750	Chi phí thuê mượn	155.700.000	189.160.000
6757	Thuê lao động trong nước	155.700.000	189.160.000
6799	Chi phí thuê mượn khác	-	-
6900	Sửa chữa tài sản phụ vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX	-	-
6907	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác nhà cửa	-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	71.111.229	72.290.429
7001	Đồ dùng chuyên môn	57.967.229	57.967.229
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	13.144.000	14.323.200
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành	-	-
7053	Chi phí khác	-	-
7750	Chi khác	(8.640.000)	4.324.320.000
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	(8.640.000)	4.324.320.000
8049	Hỗ trợ trợ cấp thôi việc	-	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	-	-
9099	Tài sản khác	-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :nguồn CCTL 1.039.073.261

- Chi Nghị quyết 03 : 1.039.073.261 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ đồng.

-PCUD giáo viên dạy Hòa nhập

- Mua sắm bàn ghế học:

- Sửa chữa, cải tạo trường:

Người lập

Hồ Ngọc Anh

Hồ Ngọc Anh Thư

Gò Vấp, ngày 08 tháng 01 năm 2024
Hiệu trưởng



Vũ Mai Hoàng